

LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIẢNG DẠY MÔN LUẬT HÀNH CHÍNH

ThS. BÙI THỊ ĐÀO *

Từ khi xuất hiện xã hội loài người, con người đã tồn tại, đã sống trong sự kết hợp đồng thời, hài hòa hai tư cách: Con người tự nhiên và con người xã hội. Cả hai tư cách này mặc dù luôn tồn tại trong mọi thời kì, mọi chế độ xã hội nhưng biểu hiện cụ thể và khả năng được thừa nhận, được tôn trọng trên thực tế luôn có những biến đổi phù hợp với những điều kiện tự nhiên và xã hội trong đó con người được sinh ra và sống. Sự quan tâm của xã hội tới tư cách, giá trị của con người thông qua việc thừa nhận và bảo đảm thực hiện các quyền con người vì vậy cũng luôn thay đổi. Nếu nhìn một cách tổng quát thì có thể nói, xã hội càng tiến bộ các quyền con người càng được coi trọng, được phát triển toàn diện, được bảo đảm thực hiện trên thực tế một cách đầy đủ hơn. Tuy nhiên, vấn đề quyền con người cho đến nay vẫn là vấn đề nhạy cảm và phức tạp cả về nội dung khái niệm quyền con người cũng như cách thức bảo vệ quyền con người. Vì vậy, bên cạnh những điểm thống nhất như quan niệm quyền con người bao gồm cả các quyền dân sự, quyền chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá thì còn có nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau mang tính lịch sử xuất phát từ những chế độ, những thể chế và những thái độ khác

nhau về các vấn đề cụ thể liên quan đến quyền con người. Có những sự khác nhau được dùng để biện minh cho việc không thực hiện quyền con người, có những sự khác nhau mang tính tất yếu, không thể thay đổi, cần được tôn trọng và dung nạp nên sự thừa nhận một nguyên tắc "*Không một quan điểm nào giữ độc quyền về những sự trả lời đúng đắn*"⁽¹⁾ là cần thiết. Đồng thời cũng thống nhất rằng "*Quyền con người không phải là một hệ tư tưởng, mà là một lí tưởng, đồng thời là một quá trình*".⁽²⁾

Thực tế hiển nhiên là các quyền con người trong thế giới hiện đại phụ thuộc rõ rệt vào cách hiểu, cách tiếp cận và bảo đảm quyền con người của từng nhà nước cụ thể thông qua các biện pháp xã hội, pháp lí mà nhà nước đó sử dụng. Chính vì vậy, tất cả các môn học liên quan đến nhà nước và pháp luật đều ít hoặc nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập vấn đề quyền con người. Đối với môn luật hành chính, vấn đề quyền con người được giảng dạy ở hai mức độ: Mức độ chung mang tính khái quát bao trùm toàn bộ chương trình môn học và mức độ chi tiết được nhấn mạnh ở một số nội dung cụ thể thuộc môn học.

* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

1. Quyền con người được giảng dạy ở mức độ chung

Thứ nhất, giảng viên tạo cho sinh viên cách nhìn khái quát mang tính phương pháp luận về quyền con người. Đó là, quyền con người là khái niệm rộng, có thể được cụ thể hoá bằng các quyền pháp lí, có thể chi thể hiện như những quyền đương nhiên phải có của thành viên trong xã hội nên việc thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền con người trên thực tế không chỉ là công việc của nhà nước, thông qua các biện pháp pháp lí mà còn là công việc của cả cộng đồng (cộng đồng quốc gia và cộng đồng quốc tế), được thực hiện bằng cả các biện pháp mang tính xã hội. Mặc dù vậy, vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người là quan trọng nhất. Đó cũng là lí do vì sao có nhiều văn kiện quốc gia và quốc tế quy định về quyền con người và nhiều công ước quốc tế về quyền con người đều nhấn mạnh: *“Việc công nhận phẩm giá vốn có và những quyền bình đẳng bất di bất dịch của mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại là nền tảng của tự do, công lí và hòa bình trên thế giới”*⁽³⁾ đồng thời quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền con người ở quốc gia mình.

Thứ hai, như trên đã nói, sự khác nhau về quan niệm, về việc thực hiện quyền con người ở các quốc gia khác nhau là không thể tránh khỏi nên khi nói về vấn đề quyền con người cần có tư duy mở, không áp dụng một khuôn mẫu cứng nhắc trong bất cứ trường hợp nào. Không nên so sánh một

cách máy móc hay hình thức việc thực hiện quyền con người ở các quốc gia khác nhau ngay cả việc so sánh trong cùng một lĩnh vực. Một quan niệm hay, một cách làm tốt ở quốc gia này nếu đem áp dụng y nguyên vào quốc gia khác có thể lại rất dở. Do vậy, khi đánh giá các chính sách của quốc gia mình dưới góc độ quyền con người, khi tiếp cận các thông tin mang nội dung phê phán việc thực hiện quyền con người cần có cách nhìn khách quan, toàn diện, mang tính lịch sử, biện chứng, tránh tư tưởng vọng ngoại, sùng bái phương Tây một cách mù quáng. Đồng thời chấp nhận sự đa dạng về nội dung và phương pháp thực hiện quyền con người không có nghĩa là bằng lòng hay biện minh cho những hạn chế tạm thời trong việc thực hiện quyền con người. Cần thẳng thắn thừa nhận những khó khăn về kinh tế, những tàn dư của hệ tư tưởng thời phong kiến, những ảnh hưởng của tư duy duy ý chí của thời kì chiến tranh đã và đang là những cản trở đáng kể cho việc nhận thức và thực hiện quyền con người. Do đó, điều quan trọng là phải tìm hiểu nguyên nhân thực sự của những khó khăn, những khác biệt để đánh giá đúng đắn và tìm ra khả năng tốt nhất để thực hiện quyền con người trong điều kiện cụ thể của quốc gia mình, có học tập kinh nghiệm các quốc gia khác, thừa nhận các giá trị văn hoá chung của nhân loại.

Thứ ba, khẳng định Nhà nước Việt Nam luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của quyền con người trong sự phát triển xã hội. Quyền con người đã được thể chế hoá thành các

quyền cơ bản của công dân, Nhà nước ngày càng chú ý tạo ra sự bảo đảm về mọi mặt trong việc thực hiện quyền con người. Sự bảo đảm đáng chú ý trong giai đoạn hiện nay là công cuộc cải cách hành chính đã và đang được tiến hành. Nội dung cải cách hành chính hướng tới việc cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Xây dựng chính quyền gần dân là chủ trương đúng đắn, là quyết tâm của Nhà nước trong tiến trình cải cách. Theo đó, quy định “*Nhà nước của dân, do dân, vì dân*”⁽⁴⁾ không phải là khẩu hiệu mang tính hình thức mà thực sự là phương châm hành động cho cả bộ máy nhà nước, của từng cơ quan, từng công chức nhà nước. Mục đích của cải cách hành chính là tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho người dân thực hiện những quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội. Không phải là lợi ích của Nhà nước mà chính lợi ích của người dân mới là ưu tiên hàng đầu trong cải cách hành chính. Sự chuyển đổi từ quan niệm hành chính cai trị sang quan niệm hành chính phục vụ là sự thay đổi rất căn bản, có tính quyết định đến việc thừa nhận, quy định và bảo đảm thực hiện quyền con người trong thực tế.

Thứ tư, chỉ ra cho sinh viên thấy rằng chủ trương phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước cũng chính là vì quyền con người. Mặc dù hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã sụp đổ đặt ra vấn đề nhận thức lại về lý luận và con đường thực tế đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng Nhà nước Việt Nam vẫn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội,

trong đó mọi người dân đều có cơ hội, có điều kiện tốt nhất để phát triển mọi khả năng của mình cả về mặt tự nhiên và xã hội; mỗi người dân đều ý thức được một cách đầy đủ vai trò của cá nhân và mối liên hệ giữa cá nhân và cộng đồng; sự tôn trọng, hỗ trợ và bảo vệ lẫn nhau giữa Nhà nước và nhân dân được thể hiện đầy đủ. Nói cách khác, mỗi người sẽ được sống trong sự thể hiện và được tôn trọng các giá trị và phẩm giá của mình trong thế giới hòa bình.

2. Quyền con người được giảng dạy ở mức độ cụ thể

Vì luật hành chính là ngành luật về quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội với mục đích “*Xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”⁽⁵⁾ nên hầu hết các quy định thuộc ngành luật hành chính đều thể hiện quyền con người ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề quyền con người thường được đề cập trong một số vấn đề liên quan trực tiếp đến những nội dung cơ bản của quyền con người sau đây:

Thứ nhất, quyền con người thể hiện trong một số nguyên tắc cơ bản của quản lý nhà nước.

Nguyên tắc đầu tiên cần kể đến là nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.⁽⁶⁾ Nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 7 của Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách*

bình đẳng”. Nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của hoạt động quản lí, không có sự phân biệt đối xử về bất cứ lí do nào như giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế... Để thực hiện nguyên tắc này, pháp luật còn có các quy định nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt đối xử và truy cứu trách nhiệm pháp lí đối với người có hành vi kì thị dân tộc, tôn giáo, phân biệt đối xử trong quản lí nhà nước và trong đời sống xã hội. Nhà nước thực hiện nhiều chính sách kinh tế, xã hội để giảm dần khoảng cách về mọi mặt giữa các dân tộc, ban hành nhiều văn bản pháp luật làm cho các thành phần kinh tế xích lại gần nhau, thực hiện bình đẳng nam, nữ...

Nguyên tắc thứ hai là nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc.⁽⁷⁾ Nguyên tắc này được cụ thể hoá bằng hàng loạt các quyền cụ thể trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là lĩnh vực văn hoá. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam được Nhà nước tạo điều kiện giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Sự đa dạng về văn hoá được coi là nét đẹp của văn hoá Việt Nam. Tất cả các dân tộc đều được khuyến khích dùng tiếng nói và chữ viết của mình trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động hành chính và tư pháp. Các chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số, phát thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số trên các phương tiện thông tin đại chúng, dạy tiếng dân tộc cho con em đồng bào dân tộc thiểu số ở các cấp học phổ thông được coi trọng. Các tác phẩm văn hoá dân gian bằng tiếng dân tộc thiểu số được sưu tầm, nghiên

cứu, bảo tồn và phổ biến, vừa tôn vinh các giá trị văn hoá của đồng bào dân tộc ít người, vừa ngăn ngừa khả năng mai một các ngôn ngữ đang ngày càng ít được sử dụng. Thậm chí các văn bản quy phạm pháp luật cũng có thể được dịch ra tiếng các dân tộc thiểu số⁽⁸⁾ để giảm bớt những khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số không thành thạo tiếng phổ thông trong việc tiếp cận pháp luật. Đồng thời, chính quyền các cấp, các tổ chức văn hoá, xã hội tổ chức nhiều hình thức khác nhau nhằm khơi dậy niềm tự hào dân tộc chính đáng, phổ biến các giá trị văn hoá của các dân tộc, qua đó động viên tất cả mọi người tham gia vào việc bảo tồn và phát triển các phong tục, truyền thống tốt đẹp, độc đáo của các dân tộc. Nhiều lễ hội truyền thống như lễ hội cồng chiêng, hội đua ghe ngo đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo đồng bào trong và ngoài nước thuộc các dân tộc khác nhau. Không chỉ dừng lại ở đó, Nhà nước còn có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế khu vực có đông đồng bào thiểu số sinh sống, coi phát triển kinh tế là chìa khoá giảm bớt khoảng cách về nhiều mặt giữa các dân tộc. Trong đó chính sách định canh, định cư, phân bổ dân số hợp lí giữa các vùng, miền, xây dựng và thực hiện các đề án phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, khu vực nông thôn đã và đang mang lại những kết quả khả quan. Tích cực và thiết thực hơn nữa, pháp luật còn quy định và bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số tham gia vào bộ máy nhà nước, như bảo đảm tính chất đại diện của cơ quan dân cử, trong đó đồng bào dân tộc

thiểu số luôn có các đại biểu của dân tộc mình tham gia; ở các cơ quan nhà nước khác thuộc khu vực có đông đồng bào thiểu số sinh sống, Nhà nước cũng bảo đảm tỉ lệ thích hợp công chức nhà nước là người dân tộc thiểu số; việc đào tạo nguồn công chức, tuyển dụng công chức cũng có những quy định riêng để người dân tộc thiểu số có cơ hội để trở thành công chức nhà nước. Đồng thời trong bộ máy nhà nước cũng có những cơ quan chuyên trách về vấn đề dân tộc như Hội đồng dân tộc của Quốc hội, Ủy ban dân tộc và miền núi của Chính phủ. Tất cả những điều nói trên đều nhằm mục đích đảm bảo quyền của người dân tộc thiểu số tham gia vào các quyết định của Nhà nước liên quan đến họ, bảo đảm những lợi ích chính đáng của người dân tộc thiểu số phù hợp với sự phát triển chung của đất nước. Những biểu hiện của nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam hoàn toàn phù hợp với các quy định của Tuyên bố về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ năm 1992.⁽⁹⁾

Nguyên tắc thứ ba là nguyên tắc nhân dân lao động tham gia vào quản lý nhà nước.⁽¹⁰⁾ Nguyên tắc này phát huy năng lực cá nhân của từng con người cụ thể, nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với chính mình, đối với người khác, đối với cộng đồng phù hợp với bản chất dân chủ của Nhà nước Việt Nam và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.⁽¹¹⁾ Nguyên tắc nhân dân lao động tham gia vào quản lý nhà nước thể hiện tập

trung trong một số quyền cơ bản của công dân như quyền bầu cử, ứng cử trong các cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín nhằm đảm bảo cho cử tri tự do bày tỏ ý nguyện của mình;⁽¹²⁾ quyền thảo luận các vấn đề quan trọng của cả nước và của địa phương; quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân; quyền đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản pháp luật; quyền khiếu nại... Đây là những quyền cơ bản, quan trọng trong quản lý hành chính. Các quyền này tạo điều kiện cho nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần tích cực vào việc hoạch định các chính sách, xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của từng cá nhân và cả cộng đồng, yêu cầu Nhà nước xem xét lại các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật xâm phạm các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Thông qua các quyền này, người dân được bày tỏ ý chí, nguyện vọng của mình về các vấn đề khác nhau trong quản lý nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến lợi ích của mình. Giá trị căn bản của các quyền này thể hiện vai trò làm chủ của người dân đối với vận mệnh của chính mình và của cả đất nước, vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước đồng thời là phanh hãm mỗi khi Nhà nước vì lí do nào đó không quan tâm một cách thích đáng đến quyền con người.

Thứ hai, quyền con người thể hiện ở một số quyền của nhân dân nói chung hay đối với một số đối tượng cụ thể. Đó là:

- Quyền con người thể hiện ở quyền bình đẳng nam nữ.⁽¹³⁾ Quyền bình đẳng nam nữ là nội dung cơ bản của quyền con người vì bình đẳng nam nữ không chỉ liên quan đến một nửa thế giới mà liên quan đến sự tiến bộ của toàn nhân loại. Lời mở đầu Công ước CEDAW ghi nhận: “*sự phát triển đầy đủ và toàn diện của một đất nước, sự giàu mạnh của thế giới và sự nghiệp hòa bình đòi hỏi sự tham gia tối đa của phụ nữ trong mọi lĩnh vực một cách bình đẳng với nam giới*”.⁽¹⁴⁾ Vì vậy, bình đẳng nam nữ được coi như nguyên tắc trong quản lý nhà nước. Để thực hiện bình đẳng nam nữ, việc tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các công việc của Nhà nước, của xã hội, vào việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật và việc thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ được cả Nhà nước và xã hội quan tâm thông qua việc Nhà nước hỗ trợ hoạt động cho Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam; quy định nghĩa vụ của các cấp chính quyền phải lấy ý kiến của Hội phụ nữ cùng cấp khi quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích của phụ nữ, trẻ em; thực hiện nhiều chương trình cho vay vốn, hướng nghiệp, dạy nghề, hỗ trợ kỹ thuật giúp phụ nữ làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo⁽¹⁵⁾...

- Quyền con người thể hiện ở quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.⁽¹⁶⁾ Đây là quyền mang tính chất tinh thần nhưng lại có ý nghĩa đặc biệt to lớn trong đời sống của con người, được coi là “*một trong những yếu tố căn bản trong nhận thức của con người về cuộc sống*”⁽¹⁷⁾ mà “*Sự coi thường và vi*

phạm các quyền và tự do cơ bản của con người, đặc biệt là quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo một cách trực tiếp hay gián tiếp đều dẫn đến chiến tranh và để lại hậu quả to lớn cho nhân loại”.⁽¹⁸⁾ Một mặt, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận và được cụ thể hoá thành các quyền tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào đó, quyền được tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, được bảo hộ các cơ sở thờ tự của tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bình đẳng giữa những người theo và không theo tôn giáo. Mặt khác, Nhà nước cũng có những quy định bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, kì thị mang tính chất tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo nhằm chống phá chính quyền, gây thù hằn dân tộc, phá hoại khối đoàn kết toàn dân. Việc quy định và thực hiện những quy định nói trên phù hợp với Tuyên bố về xóa bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng năm 1981.

- Quyền con người đối với đối tượng đặc biệt là trẻ em. Trẻ em vừa là tương lai của đất nước, vừa “*còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời*”.⁽¹⁹⁾ Những sự bảo vệ về mặt pháp lý đối với trẻ em vừa thể hiện ở những quyền của phụ nữ (như quyền được cung cấp thông tin và dịch vụ liên quan tới sức khỏe sinh sản, quyền được hưởng chế độ thai sản, quyền được nghỉ chăm sóc con ốm, quyền của Hội

phụ nữ được tham gia vào việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em) vừa thể hiện ở các quyền trẻ em được hưởng trực tiếp. Các quyền của trẻ em trong luật hành chính được pháp luật Việt Nam quy định phù hợp với Công ước về quyền trẻ em năm 1989. Đáng chú ý nhất là các quyền: Một là, quyền được khai sinh, quyền có quốc tịch, có họ tên. Pháp luật Việt Nam quy định trẻ em có quyền được khai sinh, nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ phải khai sinh cho trẻ em, bảo đảm cho tất cả trẻ em đều có quốc tịch kể cả trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai hoặc cha mẹ không có quốc tịch. Hai là, quyền được chăm sóc sức khỏe nhằm nâng cao chất lượng dân số. Trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở khám chữa bệnh công. Ba là, quyền được học tập, tất cả trẻ em đều được tạo điều kiện cần thiết để đến trường, bậc tiểu học là bắt buộc và không phải đóng học phí. Có hệ thống trường dân tộc nội trú ở các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhằm cung cấp điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, môi trường học tập cho con em đồng bào dân tộc ít người. Những trẻ em có năng khiếu đặc biệt được tạo điều kiện để phát triển tài năng. Trẻ em khuyết tật cũng được đến các trường, lớp học phù hợp như trường dành cho trẻ em mù, trường dành cho trẻ câm điếc, các lớp học tình thương dành cho trẻ em khuyết tật hay có hoàn cảnh đặc biệt...

Sự bảo vệ về mặt pháp lý đối với trẻ em

còn thể hiện ở những quy định về việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính đối với trẻ em thực hiện hành vi trái pháp luật. Các biện pháp cưỡng chế hành chính đối với trẻ em thực hiện hành vi trái pháp luật không kể đã cấu thành vi phạm pháp luật hay chưa đều chú trọng mục đích giáo dục hơn là trừng phạt, chú ý đến khả năng tái hòa nhập cộng đồng. Do trẻ em chưa có năng lực hành vi đầy đủ để tự bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình nên pháp luật thường quy định sự tham gia của các cá nhân, tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích của trẻ em vào quá trình áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính nhằm tránh khả năng xâm hại các quyền và lợi ích của trẻ em.

Lẽ dĩ nhiên, khi giới thiệu những nội dung thể hiện quyền con người nói trên giảng viên cũng cần chỉ ra cho sinh viên thấy rằng các quy định của pháp luật ở Việt Nam đã thể hiện khá đầy đủ quyền con người và phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người. Tuy nhiên, giữa các quy định của pháp luật và việc thực hiện pháp luật trên thực tế bao giờ cũng có khoảng cách nhất định và các biện pháp pháp lý bảo đảm quyền con người là biện pháp quan trọng nhưng không phải là biện pháp duy nhất. Do đó, vấn đề quyền con người ở nước ta hiện nay cần được chú trọng trong quá trình thực thi pháp luật và kết hợp một cách đồng bộ với các biện pháp xã hội.

Quyền con người là vấn đề liên quan đến tất cả các lĩnh vực xã hội trong đó con người tồn tại và khẳng định phẩm giá của

minh. Luật hành chính với tư cách là ngành luật quản lý mọi mặt đời sống xã hội với mục đích nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu mọi mặt của con người nên vấn đề quyền con người được thể hiện ở tất cả các khía cạnh khác nhau của ngành luật này. Do vậy, nhu cầu lồng ghép nội dung quyền con người trong giảng dạy môn học luật hành chính là rất rõ ràng và đã được thực hiện trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, do sự phức tạp và đa dạng trong cách hiểu, cách tiếp cận, nội dung của chính khái niệm quyền con người và môn luật hành chính không phải là môn học về quyền con người nên vấn đề lồng ghép nội dung quyền con người trong giảng dạy môn học này cho đến nay vẫn chưa có được sự thống nhất cả về phương pháp tiếp cận, nội dung cụ thể và dung lượng kiến thức cần lồng ghép làm hạn chế khả năng chuyển tải kiến thức của giảng viên cũng như mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên về vấn đề quyền con người trong chương trình môn học. Vì vậy, một định hướng nghiên cứu nghiêm túc, sự học hỏi mang tính cầu thị từ kinh nghiệm đào tạo của các cơ sở đào tạo khác, của các nước bạn để có được những thống nhất chung là hết sức cần thiết nhằm cung cấp kiến thức và phương pháp nghiên cứu toàn diện cho sinh viên trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay./.

(1).Xem: Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào chủ biên, “*Quyền con người trong thế giới hiện đại*”, Hà Nội,

1995, tr. 158.

(2). Tài liệu đã dẫn, tr.160, 161.

(3).Xem: Lời nói đầu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; Lời nói đầu Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966.

(4).Xem: Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(5).Xem: Điều 3 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(6).Xem: Điều 52 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(7).Xem: Điều 5 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(8).Xem: Điều 5 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(9).Xem: các điều 1, 2, 4, 5 Tuyên bố về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ năm 1992.

(10).Xem: Điều 53 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(11).Xem: Điều 25 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.

(12).Xem: Điều 25 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, 1966; Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

(13).Xem: Điều 63 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(14).Xem: Lời mở đầu Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979.

(15).Xem: Bùi Thị Đào, “*Pháp luật Việt Nam với việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe theo CEDAW*”, Tạp chí luật học, số 3/2006; “*Vấn đề giới trong nội dung môn học Luật hành chính*”, Tạp chí luật học, số 3/2007.

(16).Xem: Điều 68 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

(17), (18).Xem: Lời mở đầu Tuyên bố về xóa bỏ mọi hình thức không khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay tín ngưỡng năm 1981.

(19). Xem: Lời mở đầu Công ước về quyền trẻ em năm 1989.